

Số: 1153/GPMT-STNMT

Long An, ngày 26 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy in ấn tem nhãn Champion Lee Group Việt Nam” đã được chỉnh sửa, bổ sung và giải trình gửi kèm Văn bản số 01/CPL/GPMT/2025 ngày 19/02/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam, địa chỉ tại Lô N-8A, đường số 4, KCN Long Hậu mở rộng, ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy in ấn tem nhãn Champion Lee Group Việt Nam” tại vị trí Lô N-8A, đường số 4, KCN Long Hậu mở rộng, ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy in ấn tem nhãn Champion Lee Group Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô N-8A, đường số 4, KCN Long Hậu mở rộng, ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 1101814952 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 08/3/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16/7/2020 .

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 9850670783 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An chứng nhận lần đầu ngày 03/3/2016, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 8 ngày 09/10/2023 .

1.4. Mã số thuế: 1101814952.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và in các loại tem nhãn cho ngành may mặc và bao bì đóng gói (trừ in trên nguyên liệu vải sợi).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án 7.398 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850083 (sổ vào sổ cấp GCN: CT 50466) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 23/01/2019.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Sản phẩm và công suất sản xuất: Sản xuất và in các loại tem nhãn cho ngành may mặc và bao bì đóng gói (trừ in trên nguyên liệu vải sợi) - công suất 360.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.000 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất của Dự án:

+ Quy trình sản xuất sản phẩm in offset: Nguyên liệu → In offset → Phủ dầu (tùy đơn hàng) → Cán màng (tùy đơn hàng) → In lụa UV → Bôi, ép nhũ (tùy đơn hàng) → Bế hoặc cắt (tùy đơn hàng) → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm in flexo: Nguyên liệu → In Flexo → Bế → Cắt hoặc xẻ biên → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình gia công nhãn RFID (nhãn nhận dạng qua tần số vô tuyến): Nguyên liệu → In Flexo → Ép nhãn RFID → Bế và cắt → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm in tem ruy băng (in PFL): Nguyên liệu → In PFL → Cắt → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm in kỹ thuật số: Nguyên liệu → In kỹ thuật số → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm in kim (in thermal): Nguyên liệu → In thermal → Cắt → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình xuất bản kẽm trong in offset và in flexo: Đơn sản xuất in offset, in flexo → Làm file theo đơn sản xuất → Ghi kẽm → Bản kẽm.

+ Quy trình xuất film và bản polymer trong in tem ruy băng (in PFL): Đơn sản xuất in PFL → Làm file theo đơn sản xuất → Xuất film → Chụp bản polymer → Khuôn polymer.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày 26/02/2025 đến ngày 25/02/2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường dự án “Nhà máy in ấn tem nhãn Champion Lee Group Việt Nam” của Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Long Hậu;
- Công ty Cổ phần Long Hậu;
- Công ty TNHH MTV Champion Lee Group Việt Nam;
- Lãnh đạo Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- Lưu: VT, QLMT, Lượg.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1153/GPMT-STNMT ngày 26/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Hậu mở rộng, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Long Hậu mở rộng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ tiện ích đã ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam và Công ty Cổ phần Long Hậu (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Hậu mở rộng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được công ty xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

- Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC D114 mm. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống các hố ga trên mặt đất và hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất, tại miệng các hố ga có lắp đặt lưới chắn rác. Tuyến thoát nước mưa gồm các hố ga nối với các cống dẫn BTCT D300-400 (mm) dưới mặt đất với tổng chiều dài khoảng 258m, 19 hố ga nhằm thu gom toàn bộ nước mưa trong khuôn viên dự án, với độ dốc $i=0,3 - 0,35\%$ nước mưa được chảy theo phương thức tự chảy và chảy theo cống BTCT D600 (mm) để đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Long Hậu mở rộng tại 01 điểm đầu nối nằm trên đường số 4 với tọa độ $X=1.175.822$ và $Y=606.307$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:**1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thu gom nước thải nội bộ, cụ thể như sau:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh phát sinh khoảng 23,1 m³/ngày (có xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 5 ngăn) được thu gom theo đường ống PVC D90mm, HDPE D200mm (tùy đoạn).

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa bản kẽm, rửa khung và rửa dao với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày được thu gom theo đường ống PVC D27-40mm (tùy đoạn) dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ - công suất 3 m³/ngày đêm tại dự án để xử lý.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại dự án theo đường ống HDPE D27-200mm (tùy đoạn), chiều dài khoảng 145m thoát ra hố ga giám sát nước thải nằm bên ngoài tường rào của Công ty. Sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D200mm dài 2m ra hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải với Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng tại 01 vị trí nằm trên đường số 4, với tọa độ: X=1.175.818 và Y=606.320 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục Long An 105°45', múi chiều 3°).

1.2.2. Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý tại Bể tự hoại 5 ngăn: Nước thải (nguồn số 01) → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Ngăn lọc kỵ khí → Vách ngăn mỏng → Hố ga giám sát nước thải nằm ngoài tường rào của Công ty → Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Long Hậu mở rộng.

- Vị trí, số lượng, thể tích:

+ Nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng và văn phòng: 03 bể với tổng thể tích hữu ích 12,8 m³.

+ Nhà vệ sinh trong nhà bảo vệ: 01 bể với thể tích hữu ích 6 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

b) Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải từ các nguồn số 02 → Bể thu gom điều hòa → Bể phản ứng → Bể trung gian → Bể lắng hóa lý → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hố ga giám sát nước thải nằm ngoài tường rào của Công ty → Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Long Hậu mở rộng.

- Công suất thiết kế: 03 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Ca(OCl)₂, Polymer hoặc các hóa chất khác tương đương.

1.3. Tiêu chuẩn đầu nối: Chất lượng nước thải sau HTXL nước thải tại Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định đầu nối nước thải của KCN Long Hậu mở rộng, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Hậu mở rộng
1	pH	-	5,0 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	100
3	COD	mg/L	400
4	TSS	mg/L	200
5	Tổng nitơ	mg/L	60
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	8
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	15
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
9	Chì (Pb)	mg/L	1
10	Cadimi (Cd)	mg/L	0,5
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,01
12	Asen (As)	mg/L	0,5
13	Xianua	mg/L	0,2
14	Phenol	mg/L	1

1.4. Quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, châm hóa chất, bổ sung dinh dưỡng, tăng cường sục khí khi cần thiết, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.
- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại và chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất rắn; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.
- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng thiết bị phải được kiểm tra nguồn điện cấp cho các thiết bị, kiểm tra các máy nén khí, máy bơm chìm, máy bơm định lượng, thay thế bằng thiết bị dự phòng trong trường hợp không khắc phục được.
- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu đầu nối nước thải của khu công nghiệp thì nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp (trừ khi được sự chấp thuận của khu công nghiệp); đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam phải thông báo và phối hợp với Công ty Cổ phần Long Hậu (Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Long Hậu mở rộng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) để xử lý nước thải phát sinh trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 03 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu tại vị trí bể thu nước thải (trước xử lý).
- 01 mẫu tại vị trí đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải (hồ ga giám sát nước thải ngoài tường rào của Công ty).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung tại Mục 1.3 Phần B Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đầu nối của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Hậu mở rộng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Long Hậu mở rộng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Hậu mở rộng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1153/GPMT-STNMT ngày 26/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Hơi dung môi, khí thải phát sinh tại các máy in lụa, máy phủ dầu, máy in 6 màu, máy in 2 màu, máy in 5 màu, phòng pha mực, máy in tem ruy băng.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ 01 máy phát điện công suất 625 kVA (chỉ phát sinh trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện), sử dụng nhiên liệu là dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống phát thải của hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X=1.175.738 và Y=606.300.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống phát thải (đường kính 140mm và cao 3m) từ 01 máy phát điện dự phòng 625 kVA (nguồn số 02) sử dụng nhiên liệu là dầu DO (hàm lượng lưu huỳnh $\leq 0,05\%$) nên không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải; tọa độ vị trí xả khí thải: X=1.175.779 và Y=606.299.

(theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Một thành viên Champion Lee Group Việt Nam tại Lô N-8A, đường số 4, Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống phát thải, xả liên tục theo thời gian vận hành của hệ thống.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi và khí thải (QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$)
1	Lưu lượng	m ³ /h	--
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$)
3	Toluen	mg/Nm ³	750
4	Butyl acetate	mg/Nm ³	950
5	Phenol	mg/Nm ³	19
6	Benzen	mg/Nm ³	5

2.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Hơi dung môi, khí thải phát sinh tại máy in lụa, máy phủ dầu, máy in 6 màu, máy in 2 màu, máy in 5 màu, phòng pha mực, máy in tem ruy băng được thu gom bởi 31 chụp hút có kích thước $D \times R = 800 \times 800; 1000 \times 400; 900 \times 400; 800 \times 400; 1200 \times 800; 700 \times 300; 1000 \times 500$ (mm); chụp hút nối với các đường ống dẫn có đường kính D110-150-200-250-350-400 (mm) dẫn về hệ thống xử lý khí thải - công suất thiết kế 22.000 m³/giờ để xử lý;

- Nguồn số 02: Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (không phát sinh thường xuyên), công suất 625 kVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, với hàm lượng lưu huỳnh S <0,05%) được trang bị các phụ kiện đi kèm bao gồm bộ giảm âm, cao su giảm chấn và ống thải xả khí với chiều cao 3 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) HTXL bụi, khí thải và hơi dung môi phát sinh tại nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi, khí thải từ nguồn số 01 → Chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Tháp than hấp phụ → Quạt hút (công suất 22.000 m³/giờ) → Ống phát thải.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

b) HTXL bụi, khí thải máy phát điện (thiết bị hợp khối):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ lọc khí thải xúc tác → Ống phát thải.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải tại khu vực hệ thống xử lý.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, than hoạt tính, ống dẫn, thiết bị dễ hư hỏng,...
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải với công suất thiết kế 22.000 m³/giờ.

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống phát thải sau hệ thống xử lý khí thải với tọa độ vị trí lấy mẫu: X=1.175.738 và Y=606.300.
- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử bụi, lý khí thải.

- Bố trí vị trí và các sàn thao tác để thực hiện đo đạc và lấy mẫu khí thải theo đúng quy định tại Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Máy phát điện dự phòng công suất 625 kVA phải được lắp đặt các phụ kiện bộ giảm thanh, cao su giảm chấn đi kèm theo máy và được đặt trong nhà máy phát điện riêng, thiết kế vách tường giảm âm có đặt các lam gió và được đặt xa phân xưởng, văn phòng, sử dụng nhiên liệu sạch hoặc dầu Do có hàm lượng lưu huỳnh 0,05%.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1153/GPMT-STNMT ngày 26/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy in tem giấy Flexco.
- Nguồn số 02: Máy in tem ruy băng (Máy in PFL).
- Nguồn số 03: Máy in kỹ thuật số.
- Nguồn số 04: Máy in lụa.
- Nguồn số 05: Máy in offset.
- Nguồn số 06: Máy in kim.
- Nguồn số 07: Máy cắt xén.
- Nguồn số 08: Máy ép nhãn.
- Nguồn số 09: Máy dán.
- Nguồn số 10: Máy cán màng.
- Nguồn số 11: Máy sấy bản lụa.
- Nguồn số 12: Máy bế.
- Nguồn số 13: Máy ép.
- Nguồn số 14: Máy phủ dầu.
- Nguồn số 15: Quạt hút của hệ thống thu gom và xử lý khí thải.
- Nguồn số 16: Thiết bị máy móc thuộc hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 17: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ $X_1 = 1.175.765$ và $Y_1 = 606.288$.
- Nguồn số 02: Tọa độ $X_2 = 1.175.762$ và $Y_2 = 606.295$.
- Nguồn số 03: Tọa độ $X_3 = 1.175.755$ và $Y_3 = 606.297$.
- Nguồn số 04: Tọa độ $X_4 = 1.175.750$ và $Y_4 = 606.264$.
- Nguồn số 05: Tọa độ $X_5 = 1.175.738$ và $Y_5 = 606.266$.
- Nguồn số 06: Tọa độ $X_6 = 1.175.737$ và $Y_6 = 606.279$.
- Nguồn số 07: Tọa độ $X_7 = 1.175.729$ và $Y_7 = 606.264$.
- Nguồn số 08: Tọa độ $X_8 = 1.175.725$ và $Y_8 = 606.279$.
- Nguồn số 09: Tọa độ $X_9 = 1.175.724$ và $Y_9 = 606.261$.

- Nguồn số 10: Toạ độ $X_{10} = 1.175.718$ và $Y_{10} = 606.279$.
- Nguồn số 11: Toạ độ $X_{11} = 1.175.711$ và $Y_{11} = 606.278$.
- Nguồn số 12: Toạ độ $X_{12} = 1.175.756$ và $Y_{12} = 606.300$.
- Nguồn số 13: Toạ độ $X_{13} = 1.175.768$ và $Y_{13} = 606.272$.
- Nguồn số 14: Toạ độ $X_{14} = 1.175.759$ và $Y_{14} = 606.275$.
- Nguồn số 15: Toạ độ $X_{15} = 1.175.738$ và $Y_{15} = 606.300$.
- Nguồn số 16: Toạ độ $X_{16} = 1.175.712$ và $Y_{16} = 606.279$.
- Nguồn số 17: Toạ độ $X_{17} = 1.175.779$ và $Y_{17} = 606.299$.

(Theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1153/GPMT-STNMT ngày 26/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	6	16 01 12
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	20	17 02 04
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	2.200	12 01 04
Tổng khối lượng:			2.246	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Lỏng	432	08 02 01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11.108	18 02 01
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	2.446	12 06 05
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	4.403	08 02 04

Stt	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	50	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	439	18 01 03
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	14	18 01 04
Tổng khối lượng:			18.892	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 37.635 kg/năm, chủ yếu bao gồm: Giấy dạng tờ, giấy cuộn, cuộn decal, cuộn ruy băng vụn thải; bao nylon thải không dính các thành phần nguy hại; giấy văn phòng thải; sản phẩm lỗi; bùn thải phát sinh từ các hố ga thu gom của hệ thống thoát nước mưa;...

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 102,2 kg/ngày, chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu-lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm, hố thu gom để phòng chất thải lỏng rơi vãi. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng HDPE và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích : 45,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Hàng rào lưới B40, có mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác HDPE có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 28,0 m², có mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1153/GPMT-STNMT ngày 26/02/2025
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.

T N A